

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THANH HÓA

Bản án: 258/2023/ HSST.

Ngày: 13/7/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Ông Đỗ Khắc Kiếm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký TAND TP Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 279/2023/HSST ngày 13/6/2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2023/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo: **Lê Thị H** - sinh năm: 1991; nơi ĐKNKTT: **Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc**; nơi ở hiện nay: **Phòng 515 CT1, chung cư X, phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nữ; con ông **Lê Ngọc D** và con bà **Nguyễn Thị V**; chồng là **Nguyễn Văn Q** (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 01/9/2015 bị **Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 23/3/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố T**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo **Lê Thị H** bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 14h00 ngày 17/3/2023, tại khu vực bên hông tòa nhà CT1 **chung cư X, phố L, phường Đ, thành phố T**, Tổ công tác thuộc **đội Ma túy Công an thành phố T** phát hiện **Lê Thị H** đang đi bộ có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra; **Lê Thị H** đã tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, kích thước khoảng (2x2) cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (3x3) cm bên trong chứa 01 mảnh viên nén màu xám, giao nộp cho Tổ công tác. **H** khai nhận các hạt tinh thể màu trắng là ma túy ketamine và 01 mảnh viên nén màu xám là ma túy thuốc lắc của **H** cất giấu mục đích để sử dụng. Kiểm tra người **H** nhưng không phát hiện thu giữ gì thêm. Tổ công tác lập biên bản bắt quả tang **H** về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đưa **H** cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Cơ quan CSĐT **Công an thành phố T** khám xét khẩn cấp đối với **Lê Thị H** tại phòng 515 CT1, **chung cư X, phường Đ, thành phố T**, không phát hiện thu giữ gì.

Về nguồn gốc ma túy **Lê Thị H** khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên, tối ngày 16/03/2023, **Lê Thị H** một mình đi bộ xuống khu vực trạm điện bên hông tòa nhà CT1 **chung cư X, phố L, phường Đ, thành phố T**, tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, **H** gặp và mua được 1 túi nilong màu trắng viền đỏ kích thước khoảng (2x2) cm chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine và 1 túi nilong màu trắng viền xanh kích thước khoảng (3x3) cm chứa 01 viên nén màu xám là ma túy thuốc lắc với giá 2.000.000 đồng, của một người đàn ông tên là **T** (không rõ nhân thân, lai lịch). **H** mang số ma túy mua được về phòng, sử dụng một phần, phần còn lại **H** cất giấu vào trong túi quần, khi cần thì lấy ra sử dụng. Đến khoảng 14h00 ngày 17/3/2023, thì bị Công an yêu cầu kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số ma túy trên và đưa về trụ sở làm việc.

Ngày 17/3/2023 Công an phường Đ, thành phố T test nước tiểu đối với H, kết quả H dương tính với các chất ma túy MDMA (thuốc lắc), Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số 1160/KL-KTHS ngày 21/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,052g (một phẩy không năm hai gam) loại Ketamine.

- Mảnh viên nén màu xám của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,164g (không phẩy một sáu bốn gam) loại MDMA.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh T (ma túy còn lại sau giám định), đang tạm giữ tại Kho vật chứng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 16/3/2023 của Lê Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Công an thành phố T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Theo lời khai của H, đã mua ma túy của một người đàn ông có tên là T ở khu vực trạm điện bên hông tòa nhà CT1 chung cư X, phố L, phường Đ, thành phố T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đàn ông đó là ai nên không có căn cứ để xử lý

Cáo trạng số 221/CT-VKSTPTH ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Lê Thị H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo tù 13 đến 16 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng: khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS tịch thu tiêu hủy số ma túy sau giám định.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ-ược thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Khoảng 14h00' ngày 17/3/2023, tại khu vực bên hông tòa nhà CT1 chung cư X, phố L, phường Đ, thành phố T, Tổ công tác thuộc đội điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố T, phát hiện bắt quả tang Lê Thị H đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,164g MDMA và 1,052g Ketamine. Tổng khối lượng hai loại ma túy trong vụ án tương đương 0,427 gam MDMA hoặc tương đương 1,708 gam Ketamine, mục đích để sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị H đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và khung hình phạt áp dụng xét xử đối với bị cáo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của BLHS

[3]. Bị cáo là đối tượng biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống trong các quan hệ xã hội, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa lành mạnh. Đặc biệt ma túy còn là một trong những tác nhân làm lây truyền căn bệnh HIV/AIDS phát triển, nhất là đối với những người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vì có tác hại

như vậy nên nhà nước ta đã có nhiều biện pháp tuyên truyền giáo dục, nhằm ngăn chặn các tệ nạn và hoạt động có liên quan đến ma túy. Trong vụ án này bị cáo vì nghiện ma túy dẫn đến phạm tội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn tạo ra dư luận xấu trong nhân dân, tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này bị cáo phạm loại tội nghiêm trọng. Vì lẽ đó cần phải cách ly khỏi xã hội để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa sai phạm. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo và năm 2022 bị cáo có tham gia đóng góp ủng hộ Quỹ vắc xin phòng chống COVID-19. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng, do đó không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Số ma túy thu được của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần áp dụng khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của QH qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị H** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị H** 13(mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2023.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ma túy niêm phong của **Phòng K1 - Công an tỉnh T** có hình dấu của **Phòng K1**, kèm chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Trần Đ, Trịnh Thị Thu H1**. Hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 192/2023/THA ngày 16/6/2023.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;

-VKSND tỉnh Thanh Hóa;

-VKSND TPTH;

- **Công an T**;

- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Lan A

